

Số: 114/2025/NQ-HĐND

Son La, ngày 23 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và
tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách
trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022-2025**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm ngày 25 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 325/TTr-UBND ngày 16 tháng 06 năm 2025, Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 18 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1125/BC-KTNS ngày 20 tháng 06 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022-2025.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.
2. Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 – 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 32 thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Văn phòng tỉnh ủy; VP UBND Tỉnh;
- LĐ, CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin – VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, 450 b.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La
giai đoạn 2022-2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 114/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết Khoản 1, Khoản 2 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; Khoản 1, Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường.
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh (bao gồm các khoản tiền chậm nộp của từng sắc thuế theo quy định của Luật Quản lý Thuế)

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh
 - a) Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu)
 - b) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do Trung ương cấp.
 - c) Thu tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do Trung ương cấp.
2. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%
 - a) Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp, hợp tác xã do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu.

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hóa sản xuất trong nước (*không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu*) của các tổ chức kinh tế do Thuế tỉnh quản lý thu và của các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân do Thuế cơ sở quản lý thu.

c) Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu thuế; thuế thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế.

d) Thuế tài nguyên nước của các Nhà máy thủy điện do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu.

đ) Thuế tài nguyên của các doanh nghiệp do Thuế tỉnh quản lý thu (*trừ thuế tài nguyên từ hoạt động khai thác khoáng sản do Doanh nghiệp nhà nước Trung ương nộp*).

e) Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu; lệ phí trước bạ (*trừ lệ phí trước bạ nhà đất trên địa bàn phường*).

f) Thuế sử dụng đất nông nghiệp do các tổ chức kinh tế nộp; thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước.

g) Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước (trừ thu tiền bán tài sản trên đất khi thực hiện sắp xếp); thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý;

h) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả thu từ hoạt động xổ số điện toán.

i) Các khoản phí, lệ phí do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật (*trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản*); lệ phí cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản.

k) Thu từ hoạt động sự nghiệp do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.

l) Huy động, đóng góp, viện trợ, tài trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

m) Thu huy động vốn.

n) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính (trừ thu phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản), phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu; thu hồi các khoản chi năm trước...

- o) Thu kết dư ngân sách tỉnh.
 - ô) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.
 - p) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.
 - q) Thu chuyển nguồn ngân sách tỉnh năm trước sang năm sau.
 - r) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế.
 - s) Các khoản Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu.
 - t) Thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.
 - u) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu, do địa phương cấp phép.
 - v) Thu tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*địa phương cấp phép*) do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu.
 - x) Nguồn thu ngân sách cấp dưới nộp ngân sách cấp trên từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách cấp xã tăng thu lớn và các khoản nộp ngân sách cấp trên khác theo quy định của pháp luật.
 - w) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (*bao gồm cả ghi thu các khoản chi phí đối trừ từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất... của các dự án do Ban quản lý cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất và các đơn vị của tỉnh thực hiện*).
 - z) Thu tiền sử dụng đất
 - y) Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách
3. Các khoản phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã
- a) Thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản (*trừ thuế tài nguyên khai thác quặng Niken, Quặng đồng, Quặng Magnezit, Quặng Tale, Mỏ antimon, quặng sắt Turúc, Mỏ thạch anh, Quặng sulfur của đơn vị do Thuế tỉnh quản lý thu*).
 - b) Thuế giá trị gia tăng, lệ phí môn bài thu tại địa bàn phường từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh.
 - c) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn phường; thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn phường từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh.
 - d) Lệ phí trước bạ nhà đất trên địa bàn phường.
 - đ) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn phường.
 - e) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

f) Thu phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản

Điều 4. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp tỉnh quyết định đầu tư theo các lĩnh vực.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch theo Luật quy hoạch, Luật Đầu tư công, Luật xây dựng.

d) Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo mặt bằng sạch để đấu giá thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

d) Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật.

e) Chi đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu do Chính phủ giao cho Tỉnh quản lý.

f) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục – Đào tạo và dạy nghề, bao gồm:

Giáo dục phổ thông theo phân cấp (Trung học phổ thông), giáo dục thường xuyên, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác.

Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn

Các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

b) Nghiên cứu khoa học, bao gồm: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm:

Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế dự phòng.

Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật bảo hiểm y tế

Vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình.

Chi các hoạt động y tế theo phân cấp và các hoạt động y tế khác.

đ) Sự nghiệp văn hoá, thông tin, bao gồm: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, phim ảnh, xuất bản, báo chí, hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật, trùng tu di tích lịch sử và các hoạt động văn hoá, thông tin khác.

✓

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Phát thanh, truyền hình, thuê bao kênh vệ tinh và các hoạt động phát thanh, truyền hình khác.

f) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp khu vực, Quốc gia, cấp tỉnh, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm: Điều tra, quan trắc, phân tích môi trường, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường, xử lý chất thải và hoạt động bảo vệ môi trường khác do cấp tỉnh thực hiện.

Hàng năm dựa trên số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ sản xuất thủy điện và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, bố trí kinh phí bảo đảm cho hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước, giám sát hoạt động khai thác nước và các hoạt động phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước.

h) Các hoạt động kinh tế do tỉnh quản lý:

Sự nghiệp giao thông: Quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ hoạt động vận tải do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi, khuyến nông; xây dựng nông thôn mới, định canh định cư và hoạt động phát triển nông nghiệp nông thôn khác do cấp tỉnh thực hiện.

Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

Sự nghiệp tài nguyên: Hoạt động điều tra, quản lý đất đai, đo đạc, lập bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác.

Dành tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo quy định của nhà nước.

Phân bổ lại từ nguồn thu sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh để đầu tư các Chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư trên địa bàn các xã, phường, và các nội dung công việc liên quan đến công tác quản lý đất đai.

Riêng số thu tiền sử dụng đất từ đấu giá các khu đất do xã, phường thực hiện hoặc các dự án do huyện, thị xã, thành phố gồm: ⁽¹⁾ Đã hoàn thành quy trình đấu giá trước 01/7/2025 nhưng khoản thu vào ngân sách nhà nước phát sinh sau 01/7/2025;

⁽²⁾ Đang thực hiện quy trình đấu giá trước thời điểm 01/7/2025, và thực hiện bàn giao về Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để tiếp tục thực hiện, do kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện: Thực hiện phân bổ tối đa 90% số thu thực tế để thực hiện các Dự án đầu tư hạ tầng và công tác quản lý đất đai (Trong đó: đã bao gồm 10% thực hiện các nhiệm vụ cho công tác quản lý đất đai theo pháp luật hiện hành) trên địa bàn xã, phường phát sinh nguồn thu.

Các hoạt động liên quan đến công nghệ thông tin; chi hoạt động chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; hoạt động khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và các hoạt động về công tác quảng bá du lịch tại khu du lịch quốc gia Mộc châu, do Trung tâm xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La thực hiện.

Các nhiệm vụ theo quy định của Luật quy hoạch do cấp tỉnh thực hiện

Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động, chế độ chính sách thuộc sự nghiệp kinh tế do tỉnh ban hành.

i) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; hoạt động của Đại biểu HĐND; hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao; thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các nhiệm vụ khác thuộc cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh thực hiện.

k) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm: Các cơ sở trợ giúp bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội tại cộng đồng, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật.

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo phân cấp.

3. Các khoản chi khác

a) Chi trả nợ gốc và lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

b) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

c) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.

d) Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

e) Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã, phường.

f) Chi nộp ngân sách Trung ương.

g) Chi sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

h) Chi hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước.

SV

i) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (bao gồm chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 9 Điều 9 Luật NSNN năm 2015).

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã (bao gồm các khoản tiền chậm nộp của từng sắc thuế theo quy định của Luật Quản lý Thuế)

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách xã, phường với ngân sách tỉnh: Thực hiện theo Khoản 3, Điều 3 của Quy định này.

2. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thuế giá trị gia tăng, lệ phí môn bài thu tại địa bàn xã từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh.

b) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản thu tại địa bàn xã; thuế thu nhập cá nhân thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân và hộ kinh doanh thu tại địa bàn xã.

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã.

d) Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức xã, phường; thuế thu nhập cá nhân do UBND xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp NSNN.

đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình nộp

e) Các khoản phí, lệ phí do xã, phường nộp theo quy định của pháp luật (trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; lệ phí cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản).

f) Huy động, đóng góp, viện trợ của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách xã, phường.

g) Thu kết dư ngân sách.

h) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh.

i) Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

k) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản tại xã, phường.

l) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính (trừ thu phạt VPHC đối với hoạt động khai thác khoáng sản), phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do xã, phường quyết định xử phạt, tịch thu; thu hồi các khoản chi năm trước...

m) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

n) Thuế Lệ phí trước bạ nhà đất trên địa bàn xã

o) Thu hoạt động sự nghiệp do các đơn vị sự nghiệp (theo phân cấp quản lý) nộp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, duy tu, sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội theo phân cấp thuộc cấp xã quản lý (bao gồm cả chi từ nguồn huy động, đóng góp theo quy định của pháp luật cho từng công trình cụ thể do HĐND xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý).

b) Chi chương trình mục tiêu được phân cấp theo quy định.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp.

2. Chi thường xuyên

a) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, hoạt động của Đại biểu HĐND xã; chế độ phụ cấp và hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở bản, tiểu khu, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động và hỗ trợ đối với người tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin do cấp xã thực hiện; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và các nhiệm vụ hoạt động quản lý hành chính theo quy định hiện hành.

b) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, bao gồm:

Chi cho giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (Tiểu học cơ sở, Trung học cơ sở) và các hoạt động giáo dục khác theo phân cấp.

Hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trường lớp học trên địa bàn cấp xã, hỗ trợ hoạt động thường xuyên các trung tâm học tập cộng đồng, thực hiện phong trào học tập suốt đời, và các hoạt động giáo dục đào tạo khác do cấp xã thực hiện.

Chi sự nghiệp đào tạo theo phân cấp quản lý

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm:

Chi cho công tác khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn;

Phòng, chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động y tế khác do cấp xã thực hiện.

d) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm: Trợ giúp xã hội, trợ cấp hàng tháng cán bộ xã nghỉ việc, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, chế độ với người có uy tín, thăm hỏi các gia đình chính sách; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do xã quản lý và công tác xã hội khác do cấp xã thực hiện.

e) Sự nghiệp văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh truyền hình do cấp xã thực hiện. ✓

f) Chi công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ở cấp xã (đã bao gồm chi nhiệm vụ quản lý, bảo vệ mốc giới tại các xã biên giới).

g) Chi các hoạt động kinh tế, môi trường:

Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do cấp xã quản lý;

Hoạt động kiến thiết thị chính do cấp xã thực hiện theo phân cấp.

Thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản theo phân cấp.

Các hoạt động phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi, bảo vệ phát triển rừng theo phân cấp do xã quản lý và các hoạt động khác do xã thực hiện.

Diễn tập, ứng phó cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn cấp xã.

Chi hoạt động chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế khác theo phân cấp.

h) Chi bảo vệ môi trường: Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường theo phân cấp.

i) Các khoản chi thường xuyên khác theo phân cấp

3. Các khoản chi khác

a) Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

b) Chi nộp ngân sách cấp tỉnh.

c) Chi sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu do cấp xã thực hiện.

d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (bao gồm hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 9 Điều 9 Luật NSNN năm 2015).

Điều 7. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 (có Phụ biểu chi tiết kèm theo).

Điều 8. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách xã, phường tăng thu lớn (có tăng thu trên 30% dự toán số thu từ sản xuất kinh doanh thường xuyên trên địa bàn so với số thu theo dự toán giao năm 2022), thực hiện theo điểm d, Khoản 7, Điều 9, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

sw



Phụ lục

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU
GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2022 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 114/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung các khoản thu	Trong đó	
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp xã (%)
1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý		
1.1	Thuế giá trị gia tăng	100	
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
1.3	Thuế tài nguyên		
-	Thuế tài nguyên nước	100	
-	Thuế tài nguyên từ khai thác khoáng sản	70	30
-	Thuế tài nguyên khác	100	
1.4	Lệ phí môn bài	100	
2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do Thuế tỉnh thu		
2.1	Thuế giá trị gia tăng	100	
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
2.3	Thuế tài nguyên		
-	Thuế tài nguyên nước	100	
-	Thuế tài nguyên khai thác quặng Niken, Quặng đồng, Quặng Magnezit, Quặng Tale, Mỏ antimon, Quặng sắt Tu Rúc, Mỏ thạch anh, Quặng sulfur	100	
-	Thuế tài nguyên khác	100	
2.4	Lệ phí môn bài	100	
2.5	Thu hoàn vốn (DN có vốn tham gia của Nhà nước)	100	
3	Thu từ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tỉnh khác, nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài không đăng ký nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam (bên Việt Nam nộp thay) kinh doanh trên địa bàn xã, phường do Thuế cơ sở quản lý		

3.1	Thuế giá trị gia tăng (Thuế GTGT từ các nhà máy thủy điện có công suất dưới 100MW: 95% cân đối các nhiệm vụ chi theo phân cấp; 5% chi đầu tư cơ sở hạ tầng, ổn định dân cư, trồng rừng khu vực dự án thủy điện để đảm bảo cuộc sống ổn định của người dân vùng bị ảnh hưởng bởi dự án)	100	
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế TNDN từ các nhà máy thủy điện có công suất dưới 100MW: 95% cân đối các nhiệm vụ chi theo phân cấp; 5% chi đầu tư cơ sở hạ tầng, ổn định dân cư, trồng rừng khu vực dự án thủy điện để đảm bảo cuộc sống ổn định của người dân vùng bị ảnh hưởng bởi dự án)	100	
3.3	Thuế tài nguyên		
-	Thuế tài nguyên nước thủy điện (Thuế tài nguyên nước thủy điện các nhà máy có công suất dưới 100MW: 95% cân đối các nhiệm vụ chi theo phân cấp; 5% chi đầu tư cơ sở hạ tầng, ổn định dân cư, trồng rừng khu vực dự án thủy điện để đảm bảo cuộc sống ổn định của người dân vùng bị ảnh hưởng bởi dự án)	100	
-	Thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản (trừ thuế tài nguyên khai thác quặng Niken, Quặng đồng, Quặng Magnezit, Quặng Tale, Mỏ antimon, Quặng sắt Tu Rúc, Mỏ thạch anh, Quặng sulfur của đơn vị do Thuế tỉnh quản lý thu)	70	30
-	Thuế tài nguyên khác	100	
3.4	Lệ phí môn bài	100	
4	Thu hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh		
4.1	Thuế giá trị gia tăng		
-	Thu tại địa bàn xã		100
-	Thu tại địa bàn phường	70	30
4.2	Thuế tài nguyên (bao gồm từ hoạt động khai thác khoáng sản)	70	30
4.3	Lệ phí môn bài		
-	Thu tại địa bàn xã		100
-	Thu tại địa bàn phường	70	30
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở thu	100	
6	Thuế thu nhập cá nhân		
6.1	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Thuế tỉnh quản lý thu thuế; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100	
6.2	Cán bộ, công chức xã, phường.		100
6.3	Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế	100	
6.4	Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản		

-	Thu tại địa bàn xã		100
-	Thu tại địa bàn phường	70	30
6.5	Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước		
-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100	
-	Do UBND xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100
6.6	Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác	100	
6.7	Thuế thu nhập cá nhân thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân và hộ kinh doanh		
-	Thu tại địa bàn xã		100
-	Thu tại địa bàn phường	70	30
7	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100	
8	Thu tiền sử dụng đất	100	
9	Ghi thu các khoản chi phí đối trừ (chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng) từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất....		
9.1	Dự án do Ban quản lý cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất và các đơn vị của tỉnh thực hiện	100	
9.2	Các dự án do các xã, phường thực hiện		100
10	Thu tiền bán tài sản trên đất và đấu giá quyền sử dụng đất do thực hiện sắp xếp	100	
11	Thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100	
12	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp	100	
13	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
-	Các tổ chức kinh tế nộp	100	
-	Các hộ gia đình nộp		100
14	Lệ phí trước bạ (Trừ trước bạ nhà, đất)	100	
15	Lệ phí trước bạ nhà đất		
-	Trên địa bàn xã		100
-	Trên địa bàn phường	70	30
16	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		

-	Trên địa bàn xã		100
-	Trên địa bàn phường	70	30
17	Thu tiền cho thuê, tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (không bao gồm tài sản quy định tại Điểm 10); Thu từ bán và thanh lý tài sản nhà nước; Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý nộp ngân sách; thu từ tài sản nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế; thu từ khai thác cho thuê tài sản nhà nước	100	
18	Thu từ xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100	
19	Thu thuế bảo vệ môi trường (Bao gồm phần NSDP hưởng đối với mặt hàng xăng dầu)	100	
20	Thu các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật		
-	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100	
-	Do các đơn vị cấp xã thu		100
21	Lệ phí cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản	100	
22	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	70	30
23	Đóng góp tự nguyện, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật		
	Nộp ngân sách tỉnh	100	
	Nộp ngân sách xã, phường		100
24	Thu hoạt động sự nghiệp do các đơn vị sự nghiệp (theo phân cấp quản lý) nộp theo quy định của pháp luật	100	100
25	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		100
26	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	100	
27	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau (theo các cấp ngân sách)	100	100
28	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		
-	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100	
-	Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp xã		100
29	Thu kết dư ngân sách năm trước		
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh (phần 50% còn lại sau khi chuyển vào Quỹ dự trữ tài chính)	100	
-	Kết dư ngân sách cấp xã		100
30	Thu phạt vi phạm hành chính đối với các hoạt động khoáng sản	70	30
31	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (bao gồm phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đối với giấy phép do Trung ương cấp) do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu	100	

32	Thu tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (bao gồm phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đối với giấy phép do Trung ương cấp) do Thuế tỉnh và Thuế cơ sở quản lý thu	100	
33	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế	100	
34	Các khoản Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ doanh nghiệp tại các tổ chức kinh tế các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu	100	
35	Thu khác (Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu; thu hồi các khoản chi năm trước...)		
-	Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu	100	
-	Cấp xã quyết định xử phạt, tịch thu		100
36	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng (bao gồm phần ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp đối với giấy phép do Trung ương cấp)	100	
37	Thu huy động vốn (theo điều 7 Luật NSNN năm 2015)	100	
38	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách	100	